TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **654**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 19-6-2019 Về việc tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thanh Minh.

Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 286/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2355/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Xú H**, sinh năm 1951; địa chỉ: Số X đường D, Phường 4, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Le K**, sinh năm 1942; Quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: Hoa Kỳ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đặng Xú H trình bày:

Bà và ông Le K tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn, ông Le K trở về Hoa Kỳ làm việc, mỗi năm đều về Việt Nam thăm bà, cuộc sống chung hạnh phúc. Đến năm 2013 hai người phát sinh mâu thuẫn do không có sự hòa hợp cả về tính cách lẫn trong sinh hoạt vợ chồng dẫn đến ông Le K không chung thủy; cũng từ đó ông Le K không trở về Việt Nam nữa, hai người cắt đứt liên lạc. Đến nay,

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Le K.

Về con chung**:** Bà và ông Le K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Le K không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Le K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Le K có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Đặng Xú H khởi kiện yêu cầu ly hôn (Theo công văn ủy thác tư pháp số 458/UTTPDS-TA30 ngày 18 tháng 7 năm 2018). Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tống đạt hồ sơ trực tiếp cho ông Le K. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến phản hồi nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của nguyên đơn bà Đặng Xú H thì mặc dù thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó, mâu thuẫn phát sinh, ông Le K không chung thủy dẫn đến hai người không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau từ năm 2013 đến nay thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Xú H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn bà Đặng Xú H xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại các bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Le K, quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang định cư tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Đặng Xú H cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Le K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lí do. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; căn cứ Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2006, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Xú H với ông Le K được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc, mặc dù phần nhiều thời gian ông Le K sinh sống tại Hoa Kỳ còn bà Đặng Xú H ở tại Việt Nam. Đến năm 2013 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách và trong sinh hoạt vợ chồng, ông Le K không chung thủy; cũng kể từ đó, vợ chồng không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau.

Xét thấy, bà Đặng Xú H và ông Le K thực tế không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau trong thời gian dài; bị đơn ông Le K đã nhận văn bản thông báo của Tòa án về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản hồi, Tòa án căn cứ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án. Theo đó, nguyên đơn và bị đơn do phát sinh mâu thuẫn nên đã có khoảng thời gian sống ly thân kéo dài, thể hiện mục đích của hôn nhân không đạt được, giữa bà Đặng Xú H và ông Le K không còn sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống hôn nhân, khả năng hàn gắn, đoàn tụ đã

không còn. Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Đặng Xú H được ly hôn với ông Le K như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Bà Đặng Xú H trình bày giữa bà và ông Le K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 477, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 121 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Xú H:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Xú H được ly hôn với ông Le K.

Giấy chứng nhận vào sổ đăng ký kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2006 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Xú H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0044820 ngày 14 tháng 6

năm 2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Đặng Xú H có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn ông Le K cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC23)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn